

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8098 /BTC-TCĐN

V/v hướng dẫn bù tỷ giá năm 2007 do đồng đô la Mỹ mất giá.

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2008

Kính gửi: - Bộ Công Thương
- Bộ Ngoại giao
- Thông tấn xã Việt Nam

Trả lời công văn số 1126/BCT-TC ngày 04/02/2008 và số 4053/BCT-TC ngày 16/05/2008 của Bộ Công Thương; công văn số 1596/BNG-QTTV ngày 21/05/2008 của Bộ Ngoại giao, số 252/TTX-KHTC ngày 28/5/2008 của Thông Tấn xã Việt Nam về việc hướng dẫn bù tỷ giá năm 2007 do đô la Mỹ mất giá cho các cơ quan đại diện ở nước ngoài, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 3159/VPCP-KTTH ngày 23/6/2004, Bộ Tài chính đã có công văn số 5044 TC/TCĐN ngày 13/05/2004, công văn số 10184 TC/TCĐN ngày 10/09/2004 hướng dẫn phương pháp tính cấp bù tỷ giá cho các cơ quan đại diện ở nước ngoài, nay theo đề nghị của Bộ Công Thương, Bộ Ngoại giao, Thông Tấn xã Việt Nam về việc cấp bù tỷ giá năm 2007, Bộ Tài chính xin hướng dẫn bổ sung thêm, cụ thể như sau:

1/ Nhiệm vụ chi được cấp bù tỷ giá:

- Đối với Sinh hoạt phí (SHP) của cán bộ công chức và phu nhân cán bộ công chức đã được hưởng SHP tại cơ quan đại diện năm 2007 (không bao gồm SHP truy lĩnh năm 2006 theo Nghị định số 157/2005/NĐ-CP): được hỗ trợ kinh phí do đồng đô la Mỹ bị mất giá.

- Đối với các khoản chi tiêu thường xuyên và thuê nhà, việc bù tỷ giá do đồng đô la Mỹ mất giá thực tế đã được thể hiện vào quyết toán năm 2007 theo hoá đơn thực thanh thực chi của các cơ quan đại diện nên không phải cấp bù.

2/ Phương pháp xác định cấp bù tỷ giá :

a. Xác định tỷ lệ mất giá:

- Tỷ lệ mất giá bình quân do đổi tiền (gọi tắt là **T1**): là tỷ giá bình quân của các lần đổi tiền và nhận kinh phí bằng tiền địa phương trong năm 2007 tại các cơ quan đại diện so với tỷ giá hạch toán ngoại tệ tháng 1/2006 của Bộ Tài chính (trên cơ sở số liệu của Ngân hàng Ngoại thương cung cấp). Nếu địa bàn nào có tỷ lệ mất giá bình quân do đổi tiền (T1) từ 8% trở lên thì được xem xét

hỗ trợ 100 % tỷ lệ mất giá cho SHP (mục 100), không bao gồm SHP truy lĩnh năm 2006 theo Nghị định số 157/2005/NĐ-CP.

- Tỷ lệ mất giá bình quân chi SHP bằng tiền địa phương (gọi tắt là T2): là tỷ giá bình quân chi SHP của 12 tháng năm 2007 so với tỷ giá hạch toán ngoại tệ tháng 1/2006 của Bộ Tài chính.

b. Xác định số tiền hỗ trợ:

- Nếu thực tế CQDD đã chi SHP bằng đô la Mỹ thì số tiền hỗ trợ cho 1 người bằng tổng số SHP đã nhận (USD) trong năm 2007 của người đó nhân 100% tỷ lệ mất giá đổi tiền (T1).

- Nếu thực tế CQDD đã chi SHP bằng tiền địa phương thì số tiền hỗ trợ cho 1 người bằng tổng số SHP đã nhận (tiền địa phương) trong năm 2007 của người đó chia cho tỷ giá bình quân chi SHP năm 2007 để quy ra tiền USD nhân 100 % tỷ lệ mất giá đã chi SHP (T2).

Các cơ quan đại diện tự tính và gửi báo cáo về Bộ chủ quản để được xem xét thẩm tra, quyết định. (Mẫu biểu đính kèm)

Bộ chủ quản chịu trách nhiệm kiểm tra việc tính toán của các cơ quan đại diện của mình, xác định số cơ quan trong diện được cấp bù, số tiền hỗ trợ của từng cơ quan chi tiết đến từng người, sau đó thông báo cho các cơ quan đại diện đó biết để thực hiện chi trả tiền bù tỷ giá theo hướng dẫn trên. Kinh phí bù tỷ giá sử dụng trong dự toán hàng năm đã được giao của các Bộ, ngành.

3/ Theo nguyên tắc cấp bù tỷ giá nói trên, đề nghị các Bộ ngành hướng dẫn các cơ quan đại diện của mình ở nước ngoài thực hiện cấp bù tỷ giá do đồng đô la Mỹ bị mất giá trong năm kể từ năm 2008 trở đi (sau khi có quyết toán năm). Tỷ lệ mất giá bình quân của năm được cấp bù phải từ 8% trở lên so với tỷ giá hạch toán ngoại tệ tháng 01 của năm trước năm cấp bù do Bộ Tài chính quy định.

Bộ Tài chính thông báo tới quý Bộ biết để phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Bộ, ngành có CQDD ở NN;
- Vụ NSNN, HCSN, KBNN;
- Lưu : VT, TCĐN.

**TL. BỘ TRƯỞNG
KT.VỤ TRƯỞNG VỤ TÀI CHÍNH ĐỐI NGOẠI
PHÓ VỤ TRƯỞNG**



Vũ Xuân Hiếu

BẢNG TÍNH HỖ TRỢ SHP DO ĐÔ LA MỸ MẤT GIÁ NĂM 2007
(Áp dụng đối với Bộ chủ quản)

Phụ lục số 01

Số TT	CQĐD	Loại tiền chi SHP	Tỷ giá đổi tiền			Tỷ giá hạch toán tháng 1/06 của BTC	Tỷ lệ mất giá BQ đổi tiền so với tỷ giá 1/06 (T1)	Tỷ giá BQ chi SHP 2007	Tỷ lệ mất giá BQ đã chi SHP so với tỷ giá 1/06 (T2)	Tổng số SHP đã chi năm 2007		Số SHP được hỗ trợ năm 2007 (USD)	
			Số tiền ĐP thu đổi và nhận KP	Số tiền USD chi đổi và nhận KP ĐP quy USD	Tỷ giá BQ đổi tiền					Chi SHP = tiền địa phương			Chi SHP = USD
										Số tiền ĐP	Quy USD		
A	B	C	(1)	(2)	(3) = (1)/(2)	(4)	(5) = [(4)-(3)]/(4)*100	(6)	(7) = [(4)-(6)]/(4)*100	(8)	(9)=(8)/(6)	(10)	(11) = (5)*(10)/100 = (7)*(9)/100
	Ví dụ:												
1	Bắc Kinh	USD	2.384.820,00	320.000,00	7,45	8,07	7,68	0,00	0,00				
2	Quảng Châu	USD	2.916.071,61	380.265,00	7,67	8,07	4,96	0,00	0,00				
3	Berlin	EURO	605.753,43	806.918,00	0,75	0,84	10,71	0,74	11,90	269.253,77	363.856,45		43.298,92
4	Canada	USD	538.237,50	505.000,00	1,07	1,17	8,55	0,00	0,00			131.906,16	11.277,98
5	Đan Mạch	DKK	3.602.284,68	649.664,00	5,54	6,29	11,92	5,64	10,33	96.653,82	17.137,20		1.770,27
6	Phân Lan	EURO	226.205,19	305.118,00	0,74	0,84	11,90	0,74	11,90	47.922,20	64.759,73		7.706,41
...													
	Tổng cộng												64.053,57

NGƯỜI LẬP BẢNG

Hà Nội, ngày tháng năm 2008
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

BẢNG TÍNH HỖ TRỢ SHP DO ĐÔ LA MỸ MẤT GIÁ NĂM 2007
(Áp dụng đối với các CQĐD VN ở nước ngoài)

Phụ lục số 02

A CĂN CỨ XÁC ĐỊNH TỶ LỆ MẤT GIÁ

- 1 - Loại tiền chi SHP:
- 2 - Tổng số tiền địa phương thu đổi và nhận KP: Đơn vị tính:
- 3 - Số tiền USD chi đổi và nhận KP ĐP quy USD: Đơn vị tính: USD
- 4 - Tỷ giá BQ đổi tiền:
- 5 - Tỷ giá BQ chi SHP:
- 6 - Tỷ giá hạch toán ngoại tệ tháng 1/2006 của BTC:
- 7 - Tỷ lệ mất giá BQ đổi tiền so với tỷ giá 1/06 (T1): %
- 8 - Tỷ lệ mất giá BQ đã chi SHP so với tỷ giá 1/06 (T2): %

B TÍNH HỖ TRỢ SHP CHO CBCC:

Mã số	Tên cán bộ nhân viên	SHP đã nhận trong năm 2007												Tổng số SHP đã chi năm 2007			Số SHP được hỗ trợ năm 2007 (USD)
		1/07	2/07	3/07	4/07	5/07	6/07	7/07	08/07	9/07	10/07	11/07	12/07	Chi SHP = tiền địa phương		Chi SHP = USD	
														Số tiền ĐP	Quy USD		
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16) = (T1)*(15) hoặc (T2)*(14)
	TỶ GIÁ TÍNH SHP													Tỷ giá BQ chi SHP			
1	Nguyễn Văn A																
2	Bùi Thị B																
3	Nguyễn Thị C																
																
	Tổng cộng																

Hà Nội, ngày tháng năm 2008
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

NGƯỜI LẬP BẢNG

HƯỚNG DẪN VÀO SỐ LIỆU TẠI PHỤ LỤC SỐ 01

- Cột C: Ghi rõ loại tiền chi SHP.
- Cột (1): Tổng số kinh phí nhận bằng tiền địa phương và kinh phí thu đổi từ tiền USD.
- Cột (2): Tổng số kinh phí USD tương ứng với kinh phí nhận bằng tiền địa phương và kinh phí USD đem chi đổi.
- Cột (3): bằng cột (1) chia cho cột (2).
- Cột (4): là tỷ giá tháng 1 năm 2006 của Bộ Tài chính trong Phụ lục số 03.
- Cột (5): (T1) bằng hiệu số tỷ giá tháng 1 năm 2006 với tỷ giá bình quân đổi tiền chia cho tỷ giá tháng 1 năm 2006 nhân với 100. $(=[(4)-(3)]/(4) \times 100)$
- Cột (6): Tỷ giá bình quân chi SHP đối với những CQĐD chi SHP bằng đồng địa phương, lấy số liệu từ báo cáo của CQĐD đã được thẩm định tại phụ lục số 02.
- Cột (7): (T2) bằng hiệu số giữa tỷ giá tháng 1 năm 2006 với tỷ giá bình quân đã chi SHP chia cho tỷ giá tháng 1 năm 2006 nhân với 100. $(=[(4)-(6)]/(4) \times 100)$
- Cột (8): Tổng kinh phí chi SHP bằng tiền địa phương của năm 2007 không bao gồm số truy lĩnh thực hiện Nghị định 157 năm 2006. Lấy số liệu từ báo cáo của CQĐD đã được thẩm định tại phụ lục số 02.
- Cột (9): Bằng tổng số KP đã chi SHP bằng đồng địa phương chia cho tỷ giá bình quân chi SHP.
- Cột (10): Tổng số kinh phí chi SHP năm 2007 bằng tiền USD không bao gồm số truy lĩnh SHP thực hiện Nghị định 157 năm 2006.
- Cột (11): Nếu (T1) lớn hơn 8% thì tính số SHP được hỗ trợ năm 2007 và được xác định như sau:
 - + Nếu chi SHP bằng USD: bằng (T1) nhân với số SHP đã chi bằng USD. $(=(5) \times (10))/100.$
 - + Nếu chi SHP bằng đồng địa phương: bằng (T2) nhân với số SHP đã được quy sang USD. $(=((7) \times (9))/100)$

HƯỚNG DẪN VÀO SỐ LIỆU TẠI PHỤ LỤC SỐ 02

PHẦN A:

- (1)- Loại tiền chi SHP: Ghi rõ loại tiền chi SHP(Ví dụ: USD, EURO...).
- (2)- Tổng số tiền địa phương thu đổi và nhận KP: Tổng số kinh phí nhận bằng tiền địa phương và kinh phí thu đổi từ tiền USD. Ghi đơn vị tính tại cột bên cạnh (Ví dụ: CAD, EURO, ...)
- (3)- Tổng số tiền USD chi đổi và nhận KP địa phương quy USD: Tổng số kinh phí USD tương ứng với kinh phí nhận bằng tiền địa phương và kinh phí USD đem chi đổi. Đơn vị tính USD.
- (4)- Tỷ giá bình quân đổi tiền: bằng Tổng số tiền địa phương thu đổi và nhận KP (2) chia cho Tổng số tiền USD chi đổi và nhận KP ĐP quy USD (3).
- (5)- Tỷ giá BQ chi SHP: bằng Tổng tỷ giá chi SHP từ tháng 1 đến tháng 12 và chia cho 12. (Áp dụng đối với những CQDD thực hiện chi SHP bằng tiền địa phương).
- (6)- Tỷ giá tháng 1 năm 2006 của Bộ Tài chính: số liệu tại Phụ lục số 03.
- (7)- Tỷ lệ mất giá bình quân đổi tiền so với tỷ giá tháng 1/06 (T1): bằng hiệu số giữa tỷ giá tháng 1 năm 2006 với tỷ giá bình quân đổi tiền chia cho tỷ giá tháng 1 năm 2006 nhân với 100. ($=[(6)-(4)]/(6) \times 100$). Tỷ lệ này từ 8% trở lên thì được tính hỗ trợ SHP.
- (8)- Tỷ lệ mất giá bình quân đã chi SHP so với tỷ giá tháng 1/06 (T2): bằng hiệu số giữa tỷ giá tháng 1 năm 2006 với tỷ giá bình quân chi SHP chia cho tỷ giá tháng 1 năm 2006 nhân với 100. ($=[(6)-(5)]/(6) \times 100$)

PHẦN B

- Từ cột (1) đến cột (12):
 - + Dòng "Tỷ giá tính SHP": ghi tỷ giá đã chi SHP từ tháng 1 đến tháng 12 năm 2007.
 - + Các dòng sau: SHP thực nhận của từng cán bộ nhân viên từ tháng 1 đến tháng 12 năm 2007
- Tại cột (13), (14), (15) của dòng "Tỷ giá tính SHP" ghi tỷ giá bình quân chia SHP.
- Cột (13): Tổng SHP đã nhận bằng tiền địa phương của năm 2007 không bao gồm SHP truy lĩnh thực hiện NĐ 157 năm 2006.
- Cột (14): Tổng số SHP đã nhận bằng tiền địa phương (cột 13) chia cho tỷ giá bình quân chi SHP (điểm 5 mục A).
- Cột (15): Tổng số SHP đã nhận năm 2007 bằng tiền USD không bao gồm số truy lĩnh SHP truy lĩnh thực hiện Nghị định 157 năm 2006.
- Cột (16): Số SHP được hỗ trợ năm 2007:
 - + Nếu chi SHP bằng USD: bằng (T1) nhân với số SHP đã chi bằng USD (cột 15).
 - + Nếu chi SHP bằng đồng địa phương: bằng (T2) nhân với số SHP đã được quy sang USD (cột 14).

TỶ GIÁ HẠCH TOÁN NGOẠI TỆ THÁNG 1 NĂM 2006 CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(1 USD = Ngoại tệ)

Số TT	Ký hiệu ngoại tệ	Tỷ giá hạch toán tháng 1/06 của Bộ Tài chính	Số TT	CQDD	Ký hiệu ngoại tệ	Tỷ giá hạch toán tháng 1/06 của Bộ Tài chính	
1	Đặc Kinh	CNY	8,07	49	Hà Lan	NLG	0,84
2	Quảng Châu	CNY	8,07	50	Washington	USD	
3	Côn Minh	CNY	8,07	51	California	USD	
4	Nam Ninh	CNY	8,07	52	Canada	CAD	1,17
5	Hồng Kông	HKD	7,75	53	Mexico	MXN	10,68
6	Đài Bắc	TWD	33,09	54	Cuba	CUP	1,00
7	Tokyo	JPY	116,21	55	Argentina	ARS	3,02
8	Osaka	JPY	116,21	56	Brasil	BRL	2,31
9	Hàn Quốc	KRW	1.012,20	57	Ai Cập	EGP	5,73
10	Triều Tiên	EUR	0,84	58	Algeri	DZD	72,67
11	Mông Cổ	MNT	1.228,00	59	Libya	LYD	1,33
12	Canberra	AUD	1,37	60	Iraq	IQD	1.469,20
13	Sydney	AUD	1,37				0,71
14	Ấn Độ	INR	45,10	61	Iran	IRR	9.086,00
15	Mumbai	INR	45,10	62	U.E.A	AED	3,67
16	Thái Lan	THB	40,90	63	Geneve	CHF	1,31
17	Khonken	THB	40,90	64	Bern	CHF	1,31
18	Singapore	SGD	1,67	65	New York	USD	
19	Malaysia	MYR	3,78	66	Nam Phi	ZAR	6,36
20	Indonesia	IDR	9.837,00	67	Đan Mạch	DKK	6,29
21	Philippines	PHP	53,45	68	Panama	PAB	1,00
22	Brunei	BND	1,67	69	Thổ Nhĩ Kỳ	TRL	(đã đổi tiền) 1,345
23	Myanmar	MMK	6,42	70	Tây Ban Nha	EUR	0,84
24	Lào	LAK	10.405,00	71	Angola	AON	80,58
25	Savanakhet	LAK	10.405,00	72	Newzealand	NZD	1,49
26	Paksé	LAK	10.405,00	73	Bangladesh	BDT	66,20
27	Luongphrabang	LAK	10.405,00	74	Tanzania	TZS	1.150,00
28	Campuchia	KHR	4.005,00	75	Chi Lê	CLP	514,05
29	Sihanouk Ville	KHR	4.005,00	76	Belarus	BYB	2.151,00
30	Battambang	KHR	4.005,00	77	Cô-oét	KWD	0,29
31	Nga	RUB	28,79	78	Phân Lan	FIM	0,84
32	Vladivostoc	RUB	28,79	79	Ma rốc	MAD	9,21
33	Ecaterinbur	RUB	28,79	80	Venezuela	VEB	2.144,60
34	Ucraina	UAH	5,01	81	Pakistan	PKR	59,77
35	Uzbekistan	UZS	1.177,90	82	Á rập Xê-út	SAR	3,75
36	Balan	PLN	3,22	83	Nigeria	NGN	128,50
37	Séc	CZK	24,46				
38	Hungari	HUF	211,37				
39	Bungari	BGL	1,65				
40	Rumani	ROL	(đã đổi tiền) 2,98				
41	Anh	GBP	0,58				
42	Pháp	EUR	0,84				
43	Frankfurt	EUR	0,84				
44	Berlin	EUR	0,84				
45	Áo	EUR	0,84				
46	Italia	EUR	0,84				
47	Thụy Điển	SEK	7,98				
48	Bỉ	EUR	0,84				